

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HS - ST
Ngày: 12-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Ngọc Điệp.

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số XX/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST – HS ngày 17/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/HSST – QĐ ngày 31/3/2020 và số 64/HSST – QĐ ngày 27/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 01/01/1997. Tại: Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi ĐKKTTT: Khu phố H, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi ở: Số 964, C, Khu 5, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị X; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/9/2019 đến ngày 23/9/2019 hủy bỏ biện pháp tạm giữ; ngày 02/10/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

Bị hại: Ông Đào Xuân S, sinh năm 1998. HKTT: Thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Nơi ở: Số 964, C, Khu 5, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Đào Xuân T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Vắng mặt.

2/ Bà Thái Kim C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 113, Nguyễn Văn T, Tổ 37, Khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố H, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Vắng mặt.

4/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Địa chỉ: Số 101, Tổ 37, Khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N và anh Đào Xuân S, sinh năm 1998 là bạn và sống chung tại phòng trọ ở địa chỉ số 964, khu 5, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương từ năm 2018. Khoảng 11 giờ ngày 14/9/2019, khi Nguyễn Văn N đang ở phòng trọ thì nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX của anh Đào Xuân S để cầm cố lấy tiền tiêu xài nên N dùng tài khoản Facebook tên “Nguyễn Hải N” gọi đến tài khoản Facebook tên “Đào Xuân S” của anh S kêu anh S cho N mượn xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX để N đi rút tiền thì anh S đồng ý nên anh S đem xe về phòng trọ đưa cho N. Do N biết anh S cầm giấy chứng minh nhân dân tên Đào Xuân S và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX tại tiệm cầm đồ Thành T, địa chỉ tại đường Phú Lợi, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một nên N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX đến tiệm cầm đồ Thành T chuộc Giấy chứng minh nhân dân tên Đào Xuân S và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX với số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng nhằm mục đích có thể cầm xe mô tô biển số 93P1-900.XX. Sau khi chuộc được các giấy tờ trên, N đến tiệm cầm đồ Minh T, địa chỉ tại số 101, tổ 37, khu 3, phường H, thành phố T do chị Thái Kim C, sinh năm 1980, ngụ tại số 113, tổ 37, khu 3, phường H, thành phố T làm chủ cầm xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX với số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Sau đó, N đến tiệm internet (Không rõ tên và địa chỉ cụ thể) chơi game và ở lại tại tiệm internet mà không quay về phòng trọ. Về phía anh S, đến chiều ngày 14/9/2019, do không thấy N trả xe nên anh S nhắn tin kêu N trả xe thì N nói đã cầm xe mô tô của anh S nên anh S đến Công an phường Chánh Nghĩa trình báo. Đến khoảng 14 giờ ngày 17/9/2019, khi N quay về phòng trọ thì bị Công an phường Chánh Nghĩa mời về làm việc. Qua làm việc, N khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX và giao nộp 01 (Một) Hợp đồng cầm đồ của tiệm cầm đồ Minh T. Cùng ngày, Công an phường Chánh Nghĩa làm việc với bà Trần Thị T, sinh năm 1973, ngụ tại số 101, tổ 37, khu 3, phường C, thành phố T là quản lý tiệm cầm đồ Minh T và thu giữ vật chứng gồm: 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX, 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân tên Đào Xuân S, 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX và 01 (Một) Hợp đồng cầm đồ có thông tin trùng khớp với Hợp đồng cầm đồ đã thu giữ của N.

Căn cứ Biên bản định giá ngày 19/9/2019 và Bản kết luận định giá tài sản số 278/KLTS-TTHS ngày 19/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX, trị giá 11.000.000 (Mười một triệu) đồng.

Đối với 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX; 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân tên Đào Xuân S và 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1-900.XX, ngày 19/9/2019 Cơ quan Cảnh sát

điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả cho bị hại là anh Đào Xuân S. Hiện tại anh S không yêu cầu gì đối với Nguyễn Văn N.

Đối với hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố của chị Thái Kim C và bà Trần Thị T, quá trình điều tra, xác định: Chị C và bà T không biết đây là xe mô tô do Nguyễn Văn N phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một không truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 17/01/2020, Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định xử phạt hành chính số 41/QĐ-XPHC đối với chị Thái Kim C về hành vi “Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố”, hình thức phạt tiền, số tiền 3.500.000 đồng.

Cáo trạng số 71/CT-VKS-HS ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản nên ngày 14/9/2019, Nguyễn Văn N có hành vi dùng lời nói gian dối, giả vờ mượn xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 93P1 – 900.XX (trị giá 11.000.000đ) của Đào Xuân S để đi công việc nhưng lại mang cầm cố tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với bà Thái Kim C, Trần Thị T, do tại thời điểm thực

hiện hành vi cầm cố, nhận cầm cố xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 93P1 – 900.XX thì đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đồng thời ông Nguyễn Minh T đã tự nguyện bồi thường số tiền 6.000.000 đồng thay cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/9/2019 đến 23/9/2019.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo